

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng nhà lớp học
3 tầng 21 phòng Trường THPT Yên Định 1, huyện Yên Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 21 phòng Trường THPT Yên Định 1, huyện Yên Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3901/SXD-HĐXD ngày 03/6/2022; của Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định tại Tờ trình số 182/TTr-BQLDA ngày 09/5/2022 (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 21 phòng Trường THPT Yên Định 1, huyện Yên Định, với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 21 phòng Trường THPT Yên Định 1, huyện Yên Định.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định.

3. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường THPT Yên Định 1, huyện Yên Định.

4. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Nhóm C, loại công trình dân dụng, cấp II; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: khoảng 50-55 năm.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập dự án: Công ty TNHH tư vấn giám sát và xây dựng Phát Thịnh.

6. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 21 phòng nhằm bảo đảm có đủ phòng học, đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, duy trì trường đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng giáo dục của Trường THPT Yên Định 1.

7. Quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu:

Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 21 phòng với các giải pháp cụ thể như sau:

a) Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 03 tầng, mặt bằng hình chữ nhật, diện tích xây dựng khoảng 1.056,9m². Chiều cao công trình là 13,75m (tính từ cốt mặt sân hoàn thiện đến cốt đỉnh mái), cos 0.00 là cốt nền tầng 1 cao hơn cốt mặt sân hoàn thiện 0,75m. Tầng 1, 2, 3 cao 3,6m, mái cao 2,2m.

- Mặt bằng tầng 1 bố trí 07 phòng học lý thuyết; 01 phòng chờ giáo viên; 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt; giao thông đứng bằng 2 thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 2,4m. Lối tiếp cận công trình bằng hệ thống sảnh chính kết hợp đường dốc cho người khuyết tật và 3 hành lang.

- Mặt bằng tầng 2 bố trí 07 phòng học lý thuyết; 01 phòng chờ giáo viên; 01 khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt; giao thông đứng bằng 2 thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 2,4m.

- Mặt bằng tầng 3 bố trí 07 phòng học lý thuyết; 01 phòng chờ giáo viên; 01 khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt; giao thông đứng bằng 2 thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 2,4m.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng giải pháp móng cọc BTCT; phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đổ tại chỗ.

c) Giải pháp cấp điện : Cấp điện cho công trình được đấu nối từ TBA của trường, đến tủ điện tổng phân phối đến các thiết bị sử dụng điện, hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa.

d) Giải pháp cấp, thoát nước:

- Nguồn nước cấp khu vực xây dựng công trình sử dụng hệ thống cấp nước máy. Thiết kế theo sơ đồ tự chảy từ các kết nước đặt trên mái cấp xuống các khu vệ sinh và khu vực bố trí chậu rửa phía ngoài.

- Thoát nước: Nước mưa trên mái được thu về sê nô xung quanh mái qua các ống đứng thoát trực tiếp ra rãnh xung quanh công trình. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

e) Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Giải pháp phòng cháy chữa cháy cho công trình gồm hệ thống báo cháy tự động, hệ thống họng nước chữa cháy vách tường, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống đèn exit sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn,...

g) Các hệ thống kỹ thuật khác của công trình gồm: hệ thống chống sét, chiếu sáng, hệ thống mạng Lan - Internet,... thiết kế đồng bộ.

8. Số bước thiết kế: 02 bước.

9. Tổng mức đầu tư: 19.649.405.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng: 15.949.987.399 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 472.149.164 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 1.506.486.607 đồng;
- Chi phí khác: 268.085.157 đồng;
- Chi phí dự phòng: 1.452.697.020 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo bố trí 70% tổng mức đầu tư (13,755 tỷ đồng), phần còn lại do ngân sách huyện Yên Định đảm nhận (5,895 tỷ đồng).

11. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2023.

13. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 3537/SXD-HĐXD ngày 23/5/2022.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND huyện Yên Định; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Yên Định; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(M1d76)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 21 phòng Trường THPT Yên Định 1, huyện Yên Định

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

Stt	Nội dung chi phí	Tỷ lệ %	Hệ số	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
I	Chi phí xây dựng			Theo bảng tổng hợp dự toán	14.768.506.851	1.181.480.548	15.949.987.399	Gxd
II	Chi phí quản lý dự án	3,197%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	472.149.164		472.149.164	Gqlđ
III	Chi phí tư vấn ĐTXD				1.391.283.256	115.203.351	1.506.486.607	Gtv
1	Chi phí khảo sát , lập dự án đầu tư			Dự toán đối với những công việc do CĐT phê duyệt	195.034.545	19.503.455	214.538.000	
2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	3,132%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	462.593.940	37.007.515	499.601.455	
3	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	0,241%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	35.592.102	2.847.368	38.439.470	
4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	0,235%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	34.705.991	2.776.479	37.482.470	
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	0,391%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	57.744.862	4.619.589	62.364.451	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,079%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	454.722.326	36.377.786	491.100.112	
7	Chi phí lập HSMT, hồ sơ yêu cầu tư vấn giám sát	0,1%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	14.768.507	1.181.481	15.949.988	
8	Chi phí đánh giá HSDT, hồ sơ đề xuất tư vấn giám sát	0,1%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	14.768.507	1.181.481	15.949.988	
9	Chi phí thí nghiệm nén tĩnh			Theo bảng dự toán chi tiết	106.583.969	8.526.718	115.110.687	
10	Chi phí thẩm định HSMT, hồ sơ yêu cầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	7.384.253	590.740	7.974.993	
12	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	7.384.253	590.740	7.974.993	

Stt	Nội dung chi phí	Tỷ lệ %	Hệ số	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
IV	Chi phí khác				251.151.460	16.933.697	268.085.157	Gk
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,08%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	11.814.805	945.184	12.759.990	
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	0,018%	50%	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	1.766.000		1.766.000	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,365%	50%	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	35.861.250		35.861.250	
4	Chi phí kiểm toán độc lập	0,599%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	108.911.944	8.712.956	117.624.900	
5	Chi phí thẩm định phê duyệt thiết kế về PCCC	0,009%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	1.852.995		1.852.995	
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình XD	20%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	90.944.465	7.275.557	98.220.022	
V	Chi phí dự phòng						1.452.697.020	Gdp
1	Yếu tố khối lượng	3,630%		(Gxd+Gtb+Gqlđ+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			660.540.512	
2	Yếu tố trượt giá			Theo bảng chi phí dự phòng trượt giá			792.156.508	
	Tổng cộng				16.883.090.730	1.313.617.596	19.649.405.346	Gxdct
	Làm tròn						19.649.405.000	